



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 49 (04/12-08/12/23)

*Tích lũy chặt chẽ chờ cơ hội vận động mạnh
xác lập xu hướng*

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Tích lũy chặt chẽ chờ cơ hội vận động mạnh xác lập xu hướng*
2. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ: *SBV đã bơm ròng 58.2 nghìn tỷ trong tuần*
3. PTKT VN-INDEX: *VN-Index giao dịch tích lũy 1,080 – 1,115 điểm tạo nền cho xu hướng vận động mạnh*
4. TIN VĨ MÔ: *Lạm phát tháng 11/2023 của Việt Nam tăng +3.45% YoY*
5. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Dầu khí +5.30%*
6. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN
7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: Tích lũy chặt chẽ chờ cơ hội vận động mạnh xác lập xu hướng

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1102.16	0.60%
GTGD/phiên (tỷ VND)	13,058.14	-28.91%
Khối ngoại (tỷ VND)	-706.95	
HNX-INDEX	226.26	0.07%
GTGD/phiên (tỷ VND)	1531.84	-31.42%
Khối ngoại (tỷ VND)	-11.69	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4594.63	0.59%	0.77%	5.42%
EU (EURO STOXX)	4418.51	0.82%	1.06%	5.84%
China (SHCOMP)	3031.64	0.06%	-0.31%	0.03%
Japan (NIKKEI)	33431.51	-0.17%	-0.58%	4.64%
Korea (KOSPI)	2505.01	-1.19%	0.34%	5.77%
Singapore (STI)	3090.31	0.56%	-0.15%	-1.70%
Thailand (SET)	1380.31	0.01%	-1.23%	-2.78%
Phillipines (PCOMP)	6245.18	0.34%	-0.39%	4.27%
Malaysia (KLCI)	1456.38	0.25%	0.17%	0.44%
Indonesia (JCI)	7059.91	-0.29%	0.72%	3.99%
Vietnam (VNIndex)	1102.16	0.73%	0.60%	2.36%

TTCK VIỆT NAM

Nhịp rung mạnh vẫn diễn ra theo hướng phân hóa tích cực

VN-Index tăng 0.6% qua đó kết thúc 2 tuần giảm điểm. Chỉ số phân hóa mạnh với 47% cổ phiếu và 12/18 ngành tăng điểm khi khối ngoại tiếp tục bán ròng và có yếu tố gây nhiễu từ hoạt động cơ cấu danh mục ETF. Những ngành đã điều chỉnh gần đây như Dầu khí, bán lẻ, hóa chất, BĐS tăng từ 2.3-4.6% trong khi các ngành giữ giá như Ô tô và phụ tùng, Du lịch và giải trí, bảo hiểm lại giảm từ 0.8-2.1%. Diễn biến thị trường chưa xác định xu hướng rõ ràng. Trong 1-2 tuần tới các ETFs công bố và tiến hành cơ cấu danh mục có thể gây ra biến động khó dự đoán trong bối cảnh không có nhiều thông tin hỗ trợ trong nước. Dù vậy chỉ số đang tích lũy chặt chẽ và NĐT có thể canh những phiên rung lắc để tăng thêm tỷ trọng nắm giữ cho hoạt động đầu tư ngắn và trung hạn. Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô tháng 11 công bố, theo đó chỉ số SXCN tăng 3% so T10 và tăng 5.8% yoy. Vốn đầu tư từ NSNN tháng 11 và 11 tháng tăng lần lượt 19.9% và 22%yoy, bằng 75% kế hoạch năm. FDI 11 tháng đạt 20.2 tỷ USD, tăng 2.9%yoy. Thu ngân sách 11 tháng giảm 7.1% và bằng 94.9% dự toán qua đó thặng dư 35 nghìn tỷ. Tổng mức BLHH và DVTD tháng 11 và 11 tháng tăng 101.1% và 9.6% yoy. XK hàng hóa tháng 11 và 11 tháng tăng 6.7% và giảm 5.9% yoy trong khi nhập khẩu tăng 5.1% và giảm 10.7% đưa cán cân thương mại xuất siêu 1.28 tỷ và 25.8 tỷ cùng thời điểm. CPI tháng 11 và 11 tháng tăng 0.2% tháng trước và tăng 3.46% yoy. CPI bình quân 11 tháng tăng 3.2%. Động lực tăng trưởng sản xuất, tiêu dùng và đầu tư duy trì cải thiện trong khi các yếu tố ổn định vĩ mô giữ vững. Xu hướng hồi phục này sẽ còn duy trì trong tháng 12.

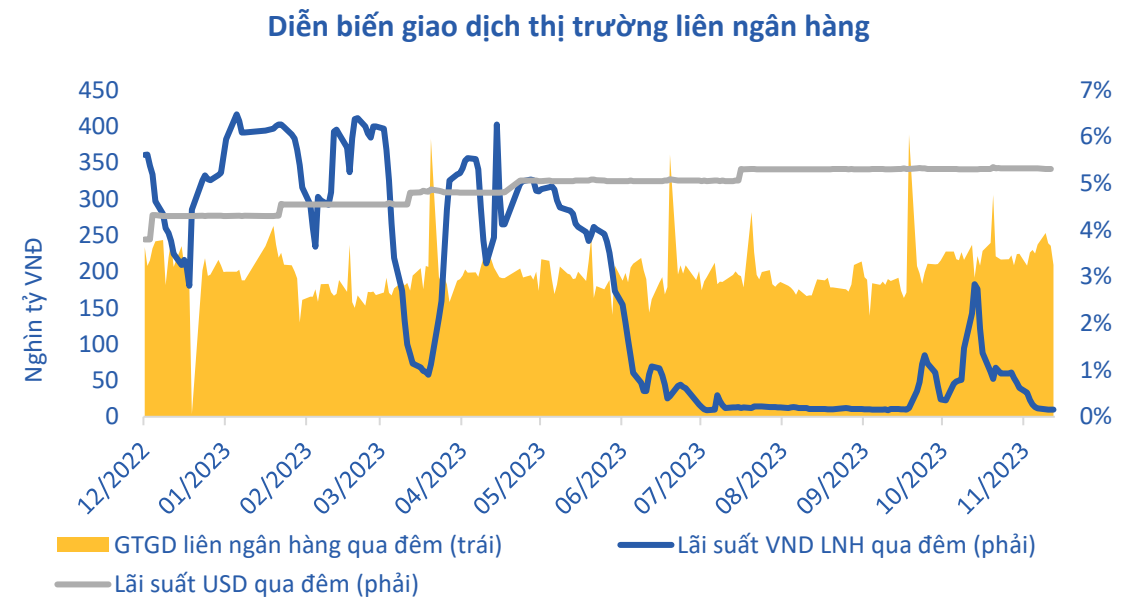
TTCK THẾ GIỚI

Các chỉ số CK Hoa Kỳ tăng mạnh trong tháng 11 khi đồng USD và lợi tức trái phiếu giảm

Lợi tức trái phiếu Kho bạc Hoa Kỳ kỳ hạn 10 năm tiếp tục giảm trước thông chỉ số tiêu dùng cá nhân giảm so với tháng 10. Thông tin này tiếp tục hỗ trợ TTCK Hoa Kỳ kết thúc tháng 11 với mức tăng ấn tượng từ 8.9% - 10.7%. Chỉ số EU600 cũng có mức tăng 0.68% trong khi các TTCK chủ chốt khu vực Châu Á lại giảm điểm. Chỉ số Nikkei225 và CSI giảm lần lượt 0.5% và 1.6%. Chỉ số DXY, giảm -0.01%, qua đó giữ mức giảm -2.6% trong tháng. Sự suy yếu của USD kéo theo sự tăng của kim loại quý (Vàng +1.9%, Bạc +3.8%) cùng với giá than +8.2% đóng góp chủ yếu vào mức tăng 0.69% của chỉ số hàng hóa. Tuần sau đơn xin trợ cấp thất nghiệp và thông tin thất nghiệp Hoa Kỳ sẽ ảnh hưởng đến các thị trường khi NĐT củng cố nhận định về FED. Chỉ số chi tiêu tiêu dùng cá nhân lõi, thước đo lạm phát yêu thích của FED, tăng 0.2% tháng trước và tăng 3.5% cùng kỳ, tương đồng với dự báo của thị trường. Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu hàng tuần tăng 7 nghìn đơn so tuần trước và số đơn tiếp tục xin trợ cấp tăng 86 nghìn đơn cao nhất kể từ 27/11/2021. Những điều này đang củng cố cho quan điểm FED sẽ giữ nguyên chính sách và thời điểm đảo chiều chính sách đang sớm gần hơn. Báo cáo của BOA dự báo FED có đợt cắt giảm lãi suất vào giữa tháng 6 và nhịp độ giảm 0.25%, trước đó UBS và Vanguard dự báo lần lượt giảm lãi suất vào tháng 3 và nửa cuối năm. Thị trường cũng đặt cược FED giảm lãi suất vào tháng 5 với 5 lần giảm 0.25% theo dữ liệu CME.

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị hút	Giá trị bơm	Giá trị bơm ròng
Tuần 38	18/09/2023	22/09/2023	19,995.00	0.00	-19,995.00
Tuần 39	25/09/2023	29/09/2023	73,799.80	0.00	-73,799.80
Tuần 40	02/10/2023	06/10/2023	46,899.80	0.00	-46,899.80
Tuần 41	09/10/2023	13/10/2023	64,999.60	0.00	-64,999.60
Tuần 42	16/10/2023	20/10/2023	55,899.70	19,995.00	-35,904.70
Tuần 43	23/10/2023	27/10/2023	25,549.90	73,799.80	48,249.90
Tuần 44	30/10/2023	03/11/2023	58,199.90	46,899.80	-11,300.10
Tuần 45	06/11/2023	10/11/2023	14,999.90	64,999.60	49,999.70
Tuần 46	13/11/2023	17/11/2023	0.00	55,899.70	55,899.70
Tuần 47	20/11/2023	24/11/2023	0.00	25,549.90	25,549.90
Tuần 48	27/11/2023	01/12/2023	0.00	58,199.90	58,199.90



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	0.14%	0.32%	0.53%	1.05%	3.49%	4.76%	6.41%
So với tuần trước	-0.01%	-0.01%	0.08%	-0.11%	0.03%	-0.40%	0.12%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	257,374.00	15,207	4,094	1,739	2,672	276	14
So với tuần trước	9.33%	0.44%	-53.22%	-25.47%	-11.73%	153.91%	14.75%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 30/11/2023

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 48, SBV đã bơm ròng 58.2 nghìn tỷ đồng qua OMOs.
- Bình quân lãi suất liên ngân hàng qua đêm gần như không đổi trong tuần với thanh khoản tăng.

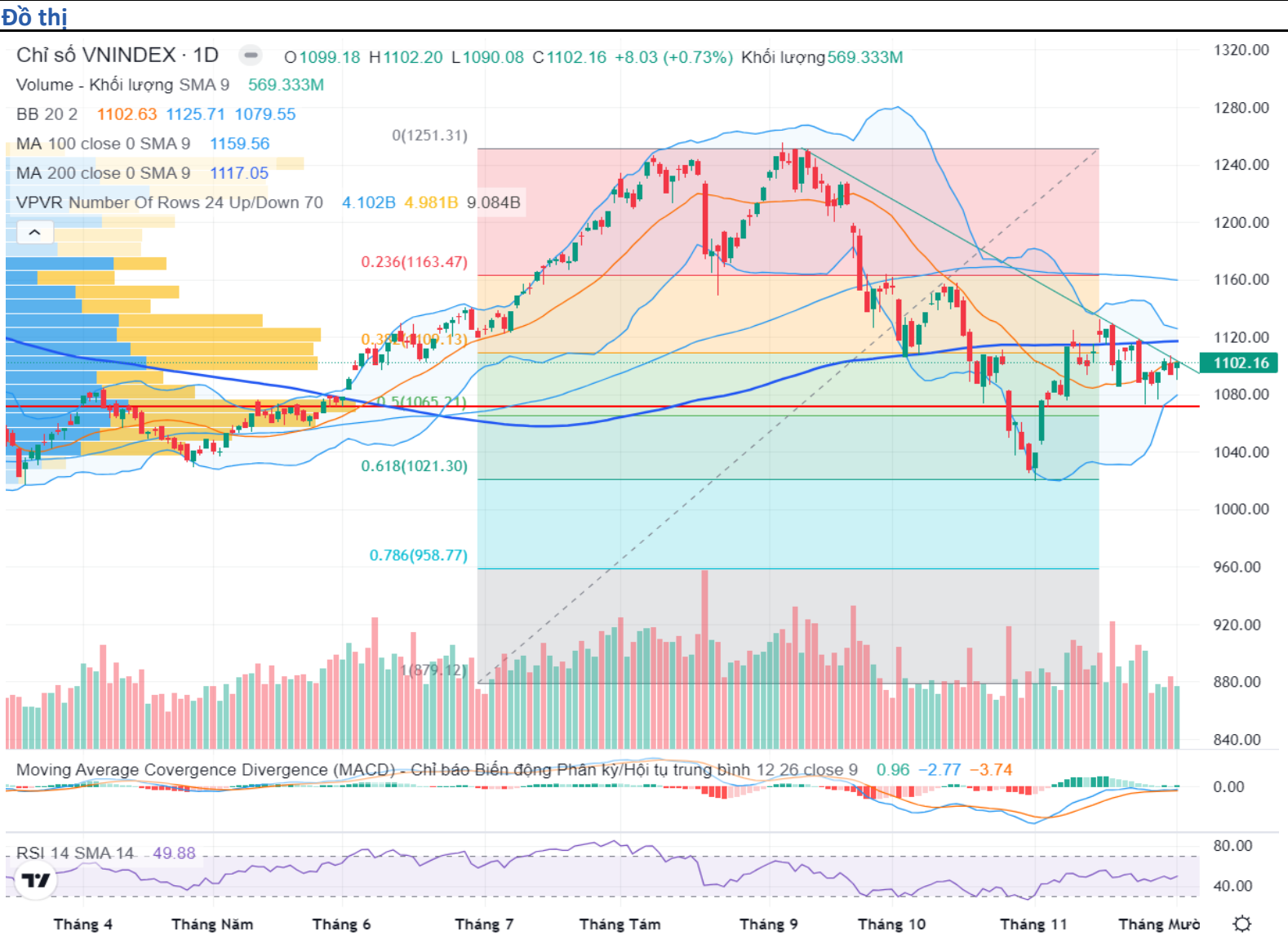
PTKT VN-INDEX: VN-Index giao dịch tích lũy 1,080 – 1,115 điểm tạo nền cho xu hướng vận động mạnh

Đồ thị ngày: Chỉ số tiếp tục ghi nhận những phiên tăng giảm điểm liên tiếp theo mẫu hình doji và hammer trong vùng tích lũy xung quanh SMA20. Khả tương đồng với diễn biến thị trường tuần trước nhưng biên độ giao động hẹp hơn. Lực cầu bắt đáy tốt ở 1,080 điểm nhưng lực bán mạnh tại 1,105 điểm khiến cho chỉ số tiếp tục giằng co chưa rõ xu hướng. Các chỉ báo kỹ thuật duy trì ở mức trung bình, xác nhận xu hướng đi ngang chưa sớm kết thúc.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng nhẹ từ 46 lên 49 điểm.
- MACD giữ trên đường tín hiệu và gần với mức 0. Thanh khoản giảm 28% so tuần trước.
- VN-Index giảm dưới SMA20, SMA 50, 100 và 200.

Kết luận: Hoạt động trading trong khoảng biến động hẹp đang diễn ra trong quá trình VN-Index vận động tích lũy. VN-Index chưa thể vượt được kênh giá giảm ngắn hạn cũng như SMA20 để chuyển đổi trạng thái. Dù vậy, những cây nến đang có biên độ hẹp dần và dải bollinger band thu hẹp cho thấy tích lũy đang dần chặt chẽ cho nhịp vận động mạnh trong 1-2 tuần tới. Mô hình vận động của VN-Index là lưỡng tính và phụ thuộc cây nến chỉ hướng. Những phiên rũ trong vùng tích lũy sẽ đẩy nhanh quá trình xác nhận xu hướng.



Nguồn: BSC Research



TIN VĨ MÔ: *Lạm phát tháng 11/2023 của Việt Nam tăng +3.45% YoY*

VIỆT NAM:

- Quốc hội: chiều 28/11 đã thông qua Nghị quyết thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình giao thông đường bộ với đại đa số đại biểu biểu quyết tán thành (93.93%).
- NHNN: vừa ban hành Thông tư 14/2023/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, có hiệu lực từ 1/10/2024.
- NHNN: ngày 29/11/2023, NHNN đã có văn bản gửi các TCTD thông báo mức tăng trưởng tăng thêm cho các TCTD công khai, minh bạch theo các nguyên tắc và tiêu chí cụ thể. Theo đó, các TCTD có dư nợ tín dụng đến nay đạt đến 80% chỉ tiêu tín dụng đã được thông báo thì sẽ được chủ động bổ sung hạn mức tăng thêm dựa trên cơ sở xếp hạng năm 2022.
- Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global đã giảm thành mức thấp của năm tháng là 47.3 điểm trong tháng 11 so với 49.6 điểm của tháng 10. Kết quả chỉ số cho thấy các điều kiện kinh doanh trong ngành sản xuất đã giảm mạnh so với tháng trước, từ đó kéo dài thời kỳ giảm hiện nay thành ba tháng.
- GSO: CPI tháng 11/2023 +0.25% MoM (+3.45% YoY).
- GSO: Lũy kế 11T2023, xuất khẩu giảm -5.87% YoY, nhập khẩu giảm -10.72% YoY. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 25.83 tỷ USD.
- GSO:Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN ước đạt 549.1 nghìn tỷ đồng, bằng 75% kế hoạch năm (+22.1% YoY).

THẾ GIỚI:

- Hoa Kỳ: Doanh số nhà mới của Hoa Kỳ đã giảm 5.6% trong tháng 10 xuống còn 0.679 trUSD so với dự kiến 0.723 trUSD. Giá bán trung vị là 409,300 USD, giảm 17.6% so với T10.2022.
- Hoa Kỳ: người dân chi mạnh tay gần 10 tỷ USD cho ngày Black Friday năm nay, tăng 7.5%svck, theo báo cáo của Adobe Analytics. Điều này càng cho thấy người dân ngày càng nhạy cảm với giá cả và tận dụng dịp giảm giá để mua hàng.
- Hoa Kỳ: T10/2023, chỉ số PCE lõi - có loại trừ thực phẩm và năng lượng - tăng 0.2% MoM và 3.5% svck. Cả hai số liệu này đều khớp với dự báo của các chuyên gia. PCE tổng thể đi ngang so với tháng trước và tăng 3% so với cùng kỳ.
- Eurozone: chỉ số lạm phát và lạm phát lõi giảm 0.5-0.6% xuống lần lượt 2.4% và 3.6% svck.
- Anh: doanh số bán lẻ tiếp tục giảm: -11 (Dự báo: -30. Trước đó -36). Doanh số tiếp tục giảm vào tháng 11 nhưng triển vọng cho thấy sự lạc quan hơn so với tháng trước. Tuy nhiên, đây là tháng thứ 7 liên tiếp chỉ số này sụt giảm, cho thấy các hộ gia đình vẫn đang chịu gánh nặng chi tiêu kể cả khi Lễ Giáng Sinh sắp tới gần.
- Trung Quốc: PMI sản xuất và dịch vụ tháng 11 đều không đạt mức ước tính và thấp hơn cả mức tháng 10: PMI sản xuất T11: 49.4; PMI dịch vụ T11: 50.2.
- Trung Quốc: theo Reuters, chính quyền địa phương Trung Quốc đã tăng cường bán trái phiếu để mua vốn cổ phần hoặc trái phiếu chuyển đổi từ các ngân hàng nhỏ hơn nhằm tái cấp vốn cho các ngân hàng này.

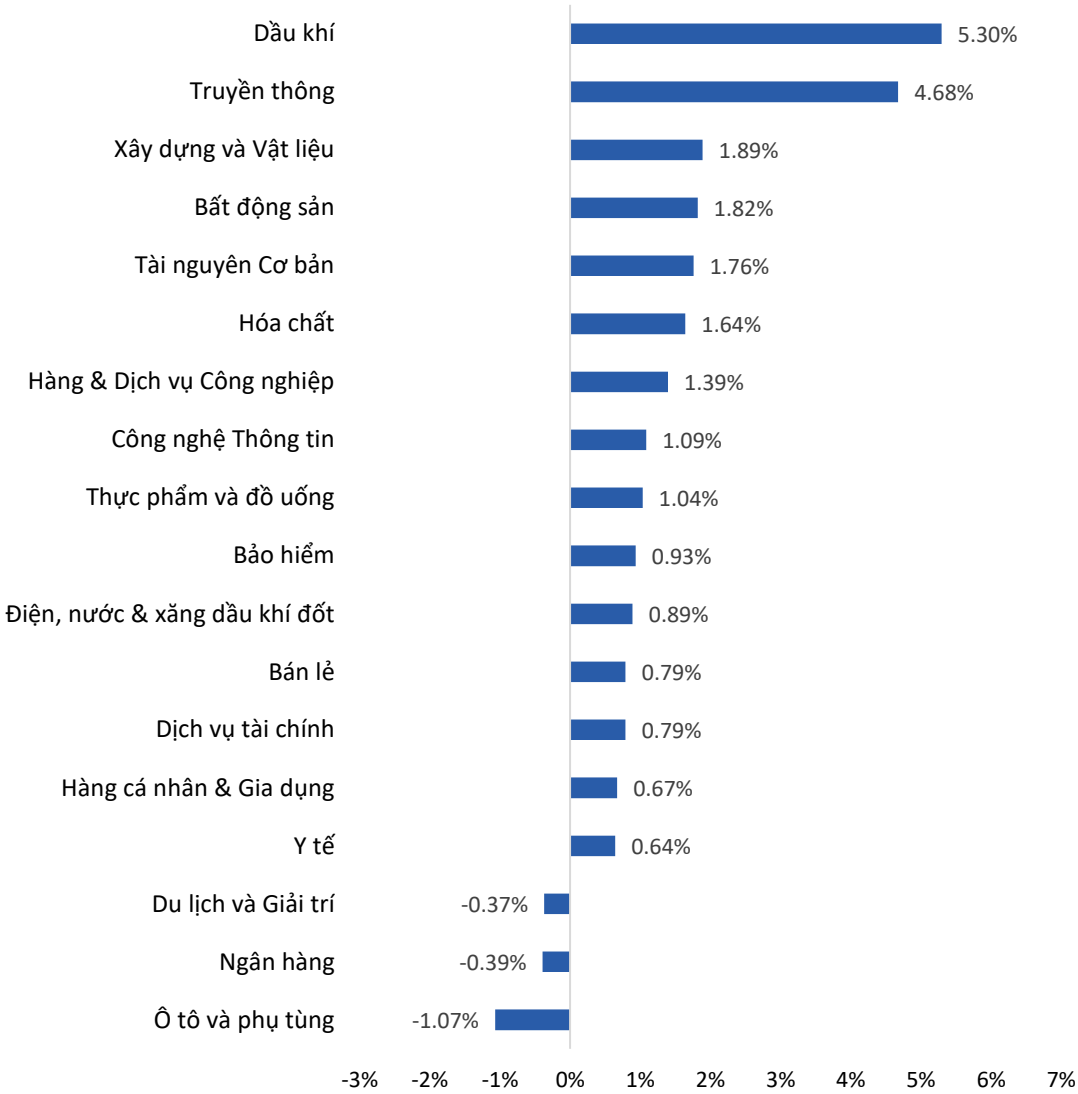
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- ETF VNM công bố danh mục và FTSE thực hiện giao dịch cơ cấu danh mục quý IV
- 4/12, Đơn đặt hàng nhà máy Hoa Kỳ; CPI Thụy Sĩ. 5/12, PMI Trung Quốc; Lãi suất và báo cáo tiền tệ NHTW Úc; PMI dịch vụ của Anh, EU và Hoa Kỳ. 6/12, GDP Úc; Doanh thu bán lẻ EU; Thay đổi bảng lương phi nông nghiệp Hoa Kỳ; Lãi suất và báo cáo tiền tệ NHTW Canada; Dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 7/12, Cán cân thương mại Trung Quốc; GDP điều chỉnh EU; Đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ. 8-9/12, CPI, khoản nợ mới và M2 Trung Quốc; Tỷ lệ thất nghiệp Hoa Kỳ.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Dầu khí	0.53%	5.30%	10.54%	PLX	0.30%		
Truyền thông	2.21%	4.68%	2.10%	YEG	-8.60%	FOC	-3.29%
Xây dựng và Vật liệu	0.94%	1.89%	18.02%	CTD	4.93%	HT1	2.17%
Bất động sản	0.21%	1.82%	9.32%	VHM	3.32%	KDH	-1.35%
Tài nguyên Cơ bản	1.04%	1.76%	12.60%	HPG	7.49%	HSG	10.20%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	74.07	-2.49%	-1.95%	-7.68%	PVD, PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	USD/bbl.	78.88	-2.45%	-1.99%	-6.54%	PVD, PVT	GAS, BSR
Xăng	USd/gal.	212.11	-2.51%	-0.73%	-3.34%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/oz.	2072.22	1.76%	3.57%	3.99%		PNJ
Bạc	USD/oz.	25.486	0.85%	4.75%	9.78%		PNJ
Đậu tương	USd/bu.	1325	-1.32%	-0.43%	-1.98%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	602.75	0.79%	4.42%	0.58%		AFX
Sữa	USD/cwt	16.31	0.74%	-0.79%	-6.16%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	256.7	-2.40%	-3.50%	-1.42%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	USd/lb.	25.09	-3.65%	-7.01%	-9.65%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	184.35	-0.19%	9.63%	8.99%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/MT	8610.5	1.72%	2.16%	5.32%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	3917	0.80%	-0.51%	3.54%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG
Nhôm	USD/MT	2209	0.73%	-0.32%	-2.00%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	969	1.31%	-0.82%	4.70%		HPG
Than đá	USD/MT	133.5	1.02%	4.38%	6.16%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Thép HRC	CNY/MT	4026	0.98%	0.42%	4.27%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
VHM	0.05%	1.96
BID	0.02%	0.84
HPG	0.02%	0.73
VIC	0.02%	0.71
SAB	0.03%	0.64
GVR	0.03%	0.60
PLX	0.05%	0.58
FPT	0.01%	0.38
VGC	0.06%	0.36
HAG	0.13%	0.33
Tổng		7.13

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
VCB	-0.01%	-1.40
STB	-0.03%	-0.38
TCB	-0.01%	-0.27
CTG	-0.01%	-0.25
SSB	-0.02%	-0.25
EIB	-0.02%	-0.17
VJC	-0.01%	-0.12
MSN	0.00%	-0.11
ACB	0.00%	-0.10
VHC	-0.03%	-0.09
Tổng		-3.14

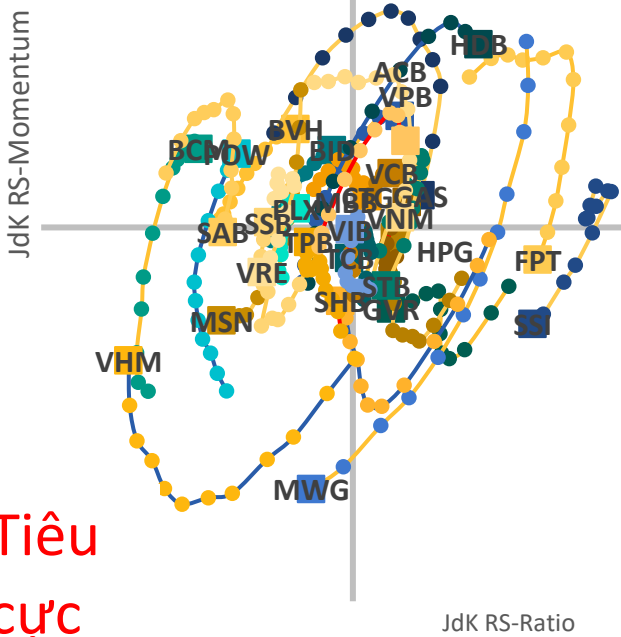
Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
DGC	107.01	17.17
PLX	54.09	17.17
SAB	52.81	61.91
NKG	52.77	9.63
HPG	46.77	24.81
HAG	46.70	2.53
NLG	45.05	41.66
CTR	39.61	10.08
FRT	39.37	35.50
EVF	34.58	
Tổng		518.75

Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
FUESSVFL	-203.33	
VNM	-159.74	55.16
MSN	-138.54	29.34
MWG	-129.33	47.09
STB	-129.32	23.50
VIC	-105.23	12.82
FUEVFN	-95.95	
SSI	-82.45	
VCB	-71.52	23.53
DXG	-58.68	21.25
Tổng		-1174.10

Vận động cổ phiếu VN30			
ACB	103.0217	102.9806	-2.86%
CTG	100.95	100.8269	-14.11%
GAS	104.3491	100.854	-1.65%
HDB	108.0837	104.8938	7.00%
MBB	103.4805	100.6728	-9.14%
VCB	102.513	101.4452	-0.56%
VJC	107.0605	106.452	4.82%
VNM	103.0343	100.2608	-4.89%
VPB	103.3881	102.3095	-10.20%
BCM	90.11571	102.0914	-18.75%
BID	98.66954	102.0633	-11.89%
BVH	96.3339	102.6227	-13.12%
PLX	96.35571	100.5049	-15.26%
POW	92.55267	101.9656	-20.14%
SSB	94.57389	100.131	-17.35%
FPT	111.8676	99.13104	5.92%
GVR	102.4629	97.8247	-13.15%
HPG	102.7195	99.72824	-9.71%
SSI	111.5464	97.40857	1.05%
STB	102.1456	98.44048	-8.65%
MSN	91.58929	97.50913	-22.17%
MWG	97.33943	92.99226	-27.74%
SAB	91.67123	99.86691	-17.92%
SHB	99.20547	98.03239	-16.73%
TCB	99.78101	99.17443	-8.82%
TPB	97.14346	99.6023	-14.85%
VHM	85.61469	96.4342	-33.17%
VIB	99.81808	99.9424	-10.14%
VIC	87.20912	94.40933	-42.14%
VRE	94.17604	98.8002	-21.04%

Hồi
phục

Tích
cực



Tiêu
cực

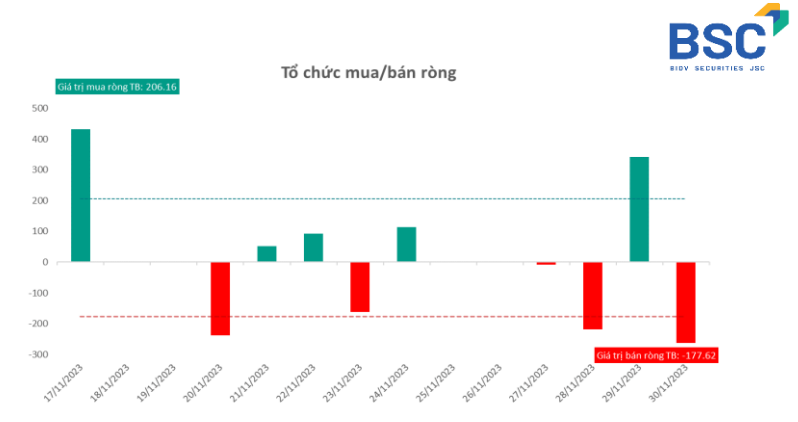
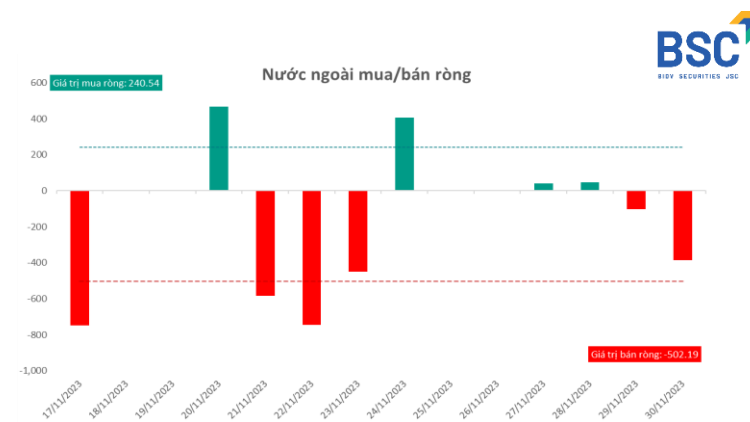
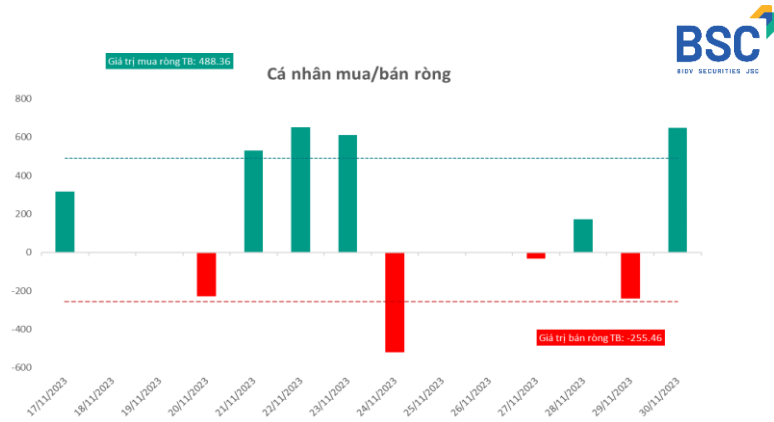
Suy
yếu

Nguồn: Bloomberg

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NGTTN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
FUESSVFL	11,667,000	207.45	STB	5,464,800	-149.23	DGC	1,128,934	107.01	FUESSVFL	11,430,300	-203.33	STB	6,774,100	186.86	NVL	14,415,428	-251.92
FUEVFNVD	4,346,100	107.03	EVF	8,623,636	-137.45	PLX	1,569,684	54.09	VNM	2,350,996	-159.74	VNM	2,584,094	175.54	SRC	5,884,840	-176.55
NVL	5,030,600	88.73	PET	4,289,900	-102.45	SAB	814,467	52.81	MSN	2,259,882	-138.54	EVF	10,166,420	163.52	VHM	3,002,797	-123.52
VHM	114,500	4.56	EIB	5,789,990	-101.25	NKG	2,277,090	52.77	MWG	3,331,310	-129.33	MWG	3,926,610	152.29	CTR	991,157	-92.27
DPM	125,600	4.10	TCB	2,543,690	-76.04	HPG	1,756,159	46.77	STB	4,661,000	-129.32	EIB	7,263,047	134.57	SAB	1,201,167	-77.85
HAH	109,900	3.98	HPG	2,268,030	-60.41	HAG	4,202,409	46.70	VIC	2,513,124	-105.23	MSB	9,023,159	122.09	NLG	1,926,722	-72.06
VHC	53,000	3.57	POW	3,661,000	-41.24	NLG	1,206,884	45.05	FUEVFNVD	3,881,160	-95.95	MSN	1,783,961	109.65	NKG	2,779,270	-64.09
VND	164,880	3.52	SSI	1,059,096	-33.42	CTR	439,062	39.61	SSI	2,636,079	-82.45	SSI	3,450,923	108.30	HAG	5,164,209	-56.60
HSG	155,150	3.20	FPT	347,326	-31.72	FRT	380,057	39.37	VCB	841,742	-71.52	TCB	2,724,500	79.94	PLX	1,419,284	-48.98
PDR	100,351	2.71	VPB	1,039,101	-19.78	EVF	2,034,002	34.58	DXG	3,025,385	-58.68	VCB	840,413	71.40	PC1	1,793,365	-47.60

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	85	0.40%	1.00	19,583.00	2.50	5,797.00	14.70	105,000	23.50%	Link
BID	Ngân hàng	39.4	1.40%	0.70	9,258.00	1.20	4,025.00	9.80	54,578	17.10%	Link
VPB	Ngân hàng	19.3	1.00%	1.00	6,312.00	3.90	1,727.00	11.20	23,685	16.60%	Link
TCB	Ngân hàng	29.8	0.80%	1.50	4,320.00	3.30	5,059.00	5.90	-	22.50%	Link
MBB	Ngân hàng	17.8	0.00%	1.30	3,826.00	3.20	3,496.00	5.10	24,400	23.20%	Link
STB	Ngân hàng	27.5	0.00%	0.90	2,137.00	15.50	3,600.00	7.60	31,200	24.40%	Link
GVR	BĐS KCN	20.2	0.80%	1.60	3,322.00	1.00	714.00	28.20	19,100	0.50%	Link
KBC	BĐS KCN	31.6	1.40%	1.60	998.00	7.20	4,368.00	7.20	42,500	20.30%	Link
IDC	BĐS KCN	49	0.00%	1.40	666.00	2.20	3,969.00	12.30	45,900	11.10%	Link
VGC	BĐS KCN	55.2	1.30%	1.70	1,020.00	2.10	2,651.00	20.80	-	4.80%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	26.9	1.30%	1.70	6,448.00	17.10	(328.00)	-82.00	23,300	26.40%	Link
VHM	Bất động sản	40.9	-1.00%	1.50	7,341.00	11.80	10,341.00	4.00	79,900	24.20%	Link
VRE	BĐS	23	3.20%	1.30	2,136.00	2.40	1,588.00	14.40	38,900	32.10%	Link
KDH	BĐS	31.6	1.10%	1.70	1,040.00	1.00	1,280.00	24.60	44,100	38.90%	Link
NLG	BĐS	37.2	0.50%	1.30	590.00	2.00	1,582.00	23.50	46,100	41.40%	Link
DGC	Hóa chất	95.1	0.60%	1.50	1,489.00	6.60	10,728.00	8.90	85,000	13.50%	Link
DPM	Phân bón	33.2	0.80%	0.90	536.00	2.30	6,403.00	5.20	41,000	15.40%	Link
DCM	Phân bón	32	0.00%	1.20	698.00	3.70	4,286.00	7.50	36,000	11.40%	Link
GAS	Dầu khí	77.7	1.60%	0.70	7,356.00	1.60	5,567.00	14.00	110,500	2.90%	Link
PLX	Dầu khí	35.2	0.30%	1.00	1,844.00	1.30	2,125.00	16.60	45,000	17.30%	Link
PVS	Dầu khí	38.8	0.50%	1.20	764.00	7.80	1,953.00	19.90	38,500	20.30%	Link
PVD	Dầu khí	28.4	1.20%	1.30	650.00	4.60	449.00	63.10	29,000	21.30%	Link
POW	Tiện ích	11.3	0.40%	0.80	1,091.00	1.20	602.00	18.80	14,500	6.20%	Link
VNM	F&B	68.4	1.50%	0.60	5,892.00	3.90	3,935.00	17.40	81,700	54.40%	Link
MSN	F&B	61.5	1.70%	1.40	3,627.00	2.70	916.00	67.20	27,700	30.50%	Link
MWG	Bán lẻ	38.8	0.60%	1.60	2,336.00	6.60	1,069.00	36.20	63,800	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	80.3	-0.20%	0.70	1,086.00	1.00	5,503.00	14.60	83,500	49.00%	Link
VHC	Thủy sản	67.5	2.30%	0.80	520.00	0.80	7,080.00	9.50	90,900	32.10%	Link
GMD	Logistics	70.2	0.00%	0.60	885.00	1.80	7,470.00	9.40	57,000	47.00%	Link
FPT	Công nghệ	92.4	0.50%	0.70	4,837.00	4.50	4,573.00	20.20	108,000	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	26.3	0.00%	0.90	5,822.00	2.10	3,664.00	7.20	1.10	27.20%	16.10%
ACB	Ngân hàng	22	0.00%	0.90	3,514.00	5.20	3,722.00	5.90	1.40	30.00%	25.20%
HDB	Ngân hàng	18.2	1.10%	0.80	2,170.00	5.10	2,765.00	6.60	1.40	20.00%	23.20%
LPB	Ngân hàng	15.3	0.00%	0.80	1,613.00	0.80	1,410.00	10.90	1.60	3.90%	15.90%
VIB	Ngân hàng	19	1.30%	1.30	1,982.00	1.40	3,534.00	5.40	1.40	20.50%	28.80%
VND	Chứng khoán	21.4	1.90%	1.90	1,072.00	16.80	467.00	45.70	1.70	23.60%	3.80%
TPB	Ngân hàng	17.1	0.60%	1.10	1,552.00	6.50	2,697.00	6.30	1.20	28.80%	19.80%
SSI	chứng khoán	32	2.20%	1.40	1,977.00	26.40	1,090.00	29.40	2.20	46.10%	9.00%
CII	Xây dựng	16.9	-0.30%	1.90	222.00	3.10	318.00	53.20	6.80	8.50%	2.60%
C4G	Xây dựng	11.8	0.90%	1.70	-	0.60	445.00	26.50	1.10	0.00%	5.20%
CTD	Xây dựng	62.5	0.80%	1.50	256.00	4.00	681.00	91.70	0.80	43.50%	0.80%
HHV	Xây dựng	14.6	3.50%	1.40	249.00	3.50	919.00	15.90	0.60	4.80%	4.20%
LCG	Xây dựng	12	1.30%	2.00	93.00	1.40	482.00	24.80	0.90	3.10%	3.80%
BCM	KCN	58.2	0.00%	0.70	2,483.00	0.60	418.00	139.30	3.40	2.70%	1.70%
HUT	KCN	19.5	-2.00%	1.30	717.00	3.10	56.00	345.10	4.80	2.00%	1.30%
PHR	KCN	47.4	0.40%	1.20	264.00	0.20	6,568.00	7.20	1.80	15.40%	26.90%
SZC	KCN	43.4	0.70%	1.60	215.00	2.10	1,405.00	30.90	3.20	3.00%	10.90%
HSG	Vật liệu	21.8	1.40%	1.90	552.00	8.30	(2,105.00)	-10.30	1.30	20.50%	2.30%
HT1	Vật liệu	12.2	0.40%	1.30	193.00	0.10	176.00	69.60	1.00	3.60%	1.30%
NKG	Vật liệu	22.9	-0.40%	2.00	248.00	14.90	(2,655.00)	-8.60	1.20	10.60%	13.50%
PTB	Vật liệu	57.5	-0.20%	0.70	159.00	0.00	5,309.00	10.80	1.40	17.40%	13.40%
KSB	Vật liệu	25.3	1.00%	1.70	80.00	0.90	1,482.00	17.10	1.00	3.00%	5.80%
NVL	BĐS	17.7	0.00%	1.90	1,423.00	14.30	(295.00)	-59.90	0.90	3.80%	1.90%
DXG	BĐS	19.8	-0.70%	2.60	499.00	28.30	(317.00)	-62.60	0.90	18.50%	3.40%
HDC	BĐS	33	1.20%	1.50	184.00	3.10	2,190.00	15.00	2.40	2.00%	16.90%
DIG	BĐS	25.1	1.60%	2.40	631.00	13.90	152.00	164.90	2.00	5.60%	1.10%
IJC	BĐS	13.6	1.50%	1.70	141.00	0.40	1,597.00	8.50	0.90	5.70%	10.90%
BSR	Dầu khí	19	1.10%	1.50	-	2.70	1,596.00	11.90	1.10	0.40%	9.70%
PVT	Dầu khí	26.4	0.80%	0.70	352.00	5.60	2,993.00	8.80	1.00	13.50%	16.40%
PLC	Vật liệu	30.3	0.70%	1.30	101.00	0.10	1,353.00	22.40	1.90	1.20%	8.50%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DRC	Săm lốp	23.1	1.30%	0.90	113.00	0.10	1,980.00	11.70	1.60	11.50%	13.50%
REE	Tiện ích	57.3	0.40%	0.80	965.00	0.30	6,445.00	8.90	1.20	49.00%	18.50%
GEX	Tiện ích	21.8	1.40%	1.70	765.00	9.00	384.00	56.70	1.00	11.90%	5.40%
NT2	Tiện ích	23.9	-0.60%	0.60	284.00	0.20	2,560.00	9.30	1.50	15.30%	16.20%
HDG	Bất động sản	27.4	-0.90%	1.50	345.00	1.00	2,739.00	10.00	1.30	23.80%	16.80%
PC1	Tiện ích	27	0.90%	1.50	346.00	1.70	944.00	28.50	1.30	5.60%	5.00%
GEG	Tiện ích	13.2	0.00%	0.70	186.00	0.10	636.00	20.80	0.80	45.90%	5.60%
BCG	Tiện ích	8.6	-0.50%	2.50	189.00	1.70	(79.00)	-109.10	0.30	2.00%	0.30%
SAB	F&B	65	0.00%	0.50	3,436.00	0.80	3,518.00	18.50	3.40	62.30%	18.70%
QNS	F&B	46.3	0.20%	0.50	-	0.60	4,965.00	9.30	2.10	16.20%	24.30%
FRT	Bán lẻ	103	0.60%	1.00	578.00	0.70	(327.00)	-314.70	8.80	32.60%	11.80%
DGW	Bán lẻ	51.5	2.00%	2.00	355.00	2.50	2,984.00	17.30	3.90	23.60%	21.90%
DBC	F&B	25	1.60%	1.80	250.00	11.20	551.00	45.60	1.30	5.90%	2.90%
PET	Bán lẻ	25.8	6.80%	2.20	114.00	3.50	837.00	30.90	1.40	1.40%	5.70%
BAF	F&B	25.6	0.60%	0.40	151.00	3.30	1,225.00	20.90	2.10	0.10%	10.20%
ANV	Thủy sản	29.6	1.40%	1.50	162.00	0.90	2,162.00	13.70	1.50	3.90%	10.00%
VSC	Logistics	27.7	0.70%	0.60	152.00	0.50	1,370.00	20.20	1.20	3.20%	7.90%
HAH	Logistics	36.2	2.10%	1.00	158.00	4.90	5,742.00	6.30	1.30	4.10%	24.60%
CTR	Công nghệ	90.7	-1.40%	1.10	428.00	1.00	4,238.00	21.40	6.30	9.70%	32.10%
TNG	Dệt may	18.2	0.00%	1.10	85.00	0.60	2,353.00	7.70	1.40	21.50%	17.10%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký